TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13- 11 - 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Hồng T, sinh năm 1985.

ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Tổ 08, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Tuấn Đ, sinh năm 1979

ĐKHKTT: Tổ 08, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Nơi ở hiện nay: Tổ 25B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lý Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lý Hồng T và anh Lê Tuấn Đ đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống anh Đ chơi bời, từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xích mích, cãi cọ nhau, vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân được 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tuy mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, tổ dân phố hòa giải xong đến nay cuộc sống vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được. Vì vậy, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tuấn Đ.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Lê Việt K, sinh ngày 04/7/2010 và cháu Lê Gia H, sinh ngày 16/9/2014. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Gia H, sinh ngày 16/9/2014 đến đủ 18 tuổi, anh Lê Tuấn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Việt K, sinh ngày 04/7/2010. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Lý Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống Đ, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lê Tuấn Đ đầy đủ, đảm bảo theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, anh Lê Tuấn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên toà, chị Lý Hồng T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Lý Hồng T. Xử cho chị Lý Hồng T được ly hôn với anh Lê Tuấn Đ. Về con chung: Giao cho chị Lý Hồng T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cháu Lê Gia H, sinh ngày 16/9/2014 cho đến

khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cho anh Lê Tuấn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cháu Lê Việt K, sinh ngày 04/7/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị Lý Hồng T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã tiến hành cấp, tống Đ, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lê Tuấn Đ theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bị đơn anh Lê Tuấn Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Chị Lý Hồng T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lý Hồng T và anh Lê Tuấn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Lý Hồng T trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lý Hồng T và anh Lê Tuấn Đ đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa Lý Hồng T và anh Lê Tuấn Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do trong quá trình chung sống anh Đ chơi bời, từ đó vợ chồng anh chị hay bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xích mích, cãi cọ nhau, vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Đến nay chị Lý Hồng T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tuấn Đ. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Hồng T là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Lê Việt K, sinh ngày 04/7/2010 và cháu Lê Gia H, sinh ngày

16/9/2014. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lý Hồng T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cháu Lê Gia H, sinh ngày 16/9/2014 và anh Lê Tuấn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cháu Lê Việt K, sinh ngày 04/7/2010. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị T có công việc ổn định và có thu nhập, hiện nay chị đang làm Đại lý của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Lào Cai, thu nhập trung bình hàng tháng là 9.600.000 đồng, anh Đ hiện đang ở nhà cùng bố mẹ đẻ công việc là bán thảo quả, thu nhập trung bình hàng tháng là 6.000.000 đồng. Ngoài ra, trong bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng của con khi cha mẹ ly hôn, cháu Lê Việt K có nguyện vọng được ở với anh Đ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Việt K cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Hồng T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Lý Hồng T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lý Hồng T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 ; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Lý Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Hồng T được ly hôn với anh Lê Tuấn Đ. Hôn nhân giữa chị Lý Hồng T và anh Lê Tuấn Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lý Hồng T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Gia H, sinh ngày 16/9/2014 đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cho anh Lê Tuấn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Việt K, sinh ngày 04/7/2010 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho bên nào.

Chị Lý Hồng T và anh Lê Tuấn Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Hồng T phải chịu 300.000VNĐ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006181 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Lý Hồng T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lý Hồng T, bị đơn anh Lê Tuấn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND (2);
- UBND phường D,
Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS - Tập án.

Nguyễn Thị Kim Dung